

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	03 – 05
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	06 – 07
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	08 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 33

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600324084 cấp lần đầu ngày 10/11/2003 thay đổi lần thứ 07 ngày 16/09/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 29.500.000.000 đồng (Hai mươi chín tỷ, năm trăm triệu đồng)

### **2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Hữu Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Anh Tú	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Vi Trung Sơn	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên
Ông Hoàng Như Đô	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Văn Bảy	Thành viên
Ông Hoàng Minh Tuấn	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Hữu Tuấn	Giám đốc
Ông Vi Trung Sơn	Phó Giám đốc

### **3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại : Lô 55 đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

### **4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Số: 33 /2018/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 08 đến trang 33 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Thay mặt và đại diện Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Trần Thị Nguyệt**

Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0589- 2018-242-1

**Trần Thị Yên Ngọc**

Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0926-2015-242-1

11-1-11  
M G 108

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG  
 Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 – DN  
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>34.442.925.419</b>	<b>53.499.476.203</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.630.617.029</b>	<b>667.185.624</b>
1. Tiền	111	5.1	1.630.617.029	667.185.624
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.8</b>	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>25.491.254.580</b>	<b>10.779.838.320</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	24.010.490.006	8.159.583.043
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.480.764.574	2.477.194.862
6. Các khoản phải thu khác	136	5.4	-	143.060.415
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>7.280.142.733</b>	<b>39.538.264.975</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.280.142.733	39.538.264.975
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>40.911.077</b>	<b>2.514.187.284</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.514.187.284
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	40.911.077	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.944.137.789</b>	<b>12.803.080.631</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>248.689.654</b>	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	248.689.654	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.695.448.135</b>	<b>11.049.627.449</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	14.644.023.210	10.989.376.068
- Nguyên giá	222		17.596.402.786	12.924.303.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.952.379.576)	(1.934.927.152)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	51.424.925	60.251.381
- Nguyên giá	228		112.752.000	112.752.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(61.327.075)	(52.500.619)
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.8</b>	-	<b>1.753.453.182</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	1.753.453.182
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>49.387.063.208</b>	<b>66.302.556.834</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**  
 Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>18.141.559.211</b>	<b>35.920.769.056</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.591.559.211</b>	<b>35.920.769.056</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	11.558.754.743	26.259.332.450
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	724.388.271	4.935.710.014
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	96.416.113	25.726.592
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	12.000.084	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11.	3.200.000.000	4.700.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.550.000.000</b>	<b>-</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11.	2.550.000.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>5.14</b>	<b>31.245.503.997</b>	<b>30.381.787.778</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>31.245.503.997</b>	<b>30.381.787.778</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.550.000.000	29.550.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.550.000.000	29.550.000.000
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		1.695.503.997	831.787.778
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		831.787.778	213.227.754
- LNST chưa phân phối năm này	421b		863.716.219	618.560.024
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>49.387.063.208</b>	<b>66.302.556.834</b>

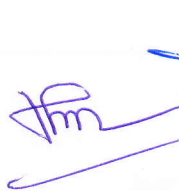
Nam Định, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập



Nguyễn Minh Khuê

Kế toán trưởng



Trần Thị Hồng Mến



Hoàng Hữu Tuấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu số B 02 – DN

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	139.022.375.621	66.577.472.682
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>139.022.375.621</b>	<b>66.577.472.682</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	131.044.039.789	60.103.393.991
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>7.978.335.832</b>	<b>6.474.078.691</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	54.743.303	21.134.347
7. Chi phí tài chính	22	6.4	572.331.258	28.789.304
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		572.331.258	28.789.304
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	6.135.214.816	5.687.790.794
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.325.533.061</b>	<b>778.632.940</b>
11. Thu nhập khác	31	6.5	11.329.382	13
12. Chi phí khác	32	6.6	206.482.032	4.346.338
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(195.152.650)</b>	<b>(4.346.325)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.130.380.411</b>	<b>774.286.615</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	266.664.192	155.726.591
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>863.716.219</b>	<b>618.560.024</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		292	209

Nam Định, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Minh Khuê

Trần Thị Hồng Mến

Hoàng Hữu Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**  
 Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Theo phương pháp gián tiếp  
 Năm 2017

Mẫu số B 03 – DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>1.130.380.411</b>	<b>774.286.615</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.086.174.745	442.199.982
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(54.743.303)	(21.134.347)
- Chi phí lãi vay	06		572.331.258	28.789.304
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>2.734.143.111</b>	<b>1.224.141.554</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.486.829.707)	3.328.047.845
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		32.258.122.242	(23.510.294.733)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(18.814.778.684)	12.812.066.660
- Tiền lãi vay đã trả	14		(572.331.258)	(28.789.304)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(292.390.784)	(201.650.579)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(47.607.047)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>2.825.934.920</b>	<b>(6.424.085.604)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.993.700.000)	(1.860.088.609)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		273.000.000	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.753.453.182	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		54.743.303	21.134.347
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(2.912.503.515)</b>	<b>(1.838.954.262)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		34.984.472.000	16.564.362.441
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(33.934.472.000)	(16.714.362.441)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>1.050.000.000</b>	<b>(150.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<b>963.431.405</b>	<b>(8.413.039.866)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		<b>667.185.624</b>	<b>9.080.225.490</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái</b>	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70		<b>1.630.617.029</b>	<b>667.185.624</b>

Nam Định, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Minh Khuê

Trần Thị Hồng Mến

Hoàng Hữu Tuấn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600324084 cấp lần đầu ngày 10/11/2003 thay đổi lần thứ 07 ngày 16/09/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 29.500.000.000 đồng (*Hai mươi chín tỷ, năm trăm triệu đồng*).

### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: xây lắp điện, sản xuất, mua bán vật tư thiết bị điện.

### **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy được.

## **3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### **4.3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

##### **4.4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

#### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### 4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

##### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc           | 15 - 20 năm |
| - Máy móc thiết bị                | 06 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |

#### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Quyền sử dụng đất

25 năm

#### **4.7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

#### **4.8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- o Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- o Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

#### **4.9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### 4.10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

##### *Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng gồm:

- Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng xây dựng;
- Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng, các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Đối với hợp đồng với giá cố định, kết quả hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi đồng thời thỏa mãn bốn (04) điều kiện sau:

- Tổng doanh thu của hợp đồng tính toán được một cách đáng tin cậy;
- Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
- Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy;
- Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán được một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi đồng thời thỏa mãn hai (02) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;

Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.



#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **4.11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong năm, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

#### **4.12. Nguyên tắc kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

#### **4.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế GTGT, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

##### ***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

##### ***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

#### **4.14. Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.15. Bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 8.6.

**4.16. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: Xây lắp điện, sản xuất, mua bán vật tư thiết bị điện.

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Thái Bình, Nam Định, Phú Thọ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	130.566.733	80.671.372
Tiền gửi ngân hàng	1.500.050.296	586.514.252
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.630.617.029</b>	<b>667.185.624</b>

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>24.010.490.006</b>	<b>8.159.583.043</b>
- Điện lực Nam Định	3.011.143.856	3.485.345.586
- Điện lực Phú Thọ	8.899.313.687	3.640.563.155
- Điện lực Thái Bình	2.660.454.129	-
- Điện lực Hà Nam	2.538.041.119	-
- Công ty Cổ phần Xây Lắp và Dịch vụ Bảo Nam	3.431.477.937	299.200
- Các khoản phải thu khách hàng khác	9.492.346.990	1.033.375.102
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>		

5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.480.764.574</b>	<b>2.477.194.862</b>
- Công ty Cổ phần NPC	-	708.332.000
- Công ty Cổ phần Cấp điện và chiếu sáng Phú Thẳng	-	1.500.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Khánh Phong	-	101.978.362
- Công ty TNHH Xây lắp và thiết bị điện TPC	410.494.506	-
- Công ty Điện lực Phú Thọ	133.595.243	-
- Công ty TNHH SX-TM-XD điện Chung Nam	662.100.065	-
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	274.574.760	166.884.500
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>		
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>		

5.4 . PHẢI THU KHÁC	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	-	<b>143.060.415</b>	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	123.602.701	-
- Phải thu khác	-	-	19.457.714	-
<i>Bảo hiểm xã hội nộp thừa</i>	-	-	19.457.714	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>248.689.654</b>	-	-	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	248.689.654	-	-	-
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>				

5.5 . HÀNG TỒN KHO	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	4.430.094.779	-	9.805.210.126	-
Công cụ, dụng cụ	5.000.006	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	2.845.047.948	-	29.733.054.849	-
<b>Cộng</b>	<b>7.280.142.733</b>	-	<b>39.538.264.975</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**  
 Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

**5.6 . TÁNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	7.765.008.191	1.914.749.995	1.607.611.623	94.076.264	1.542.857.147	12.924.303.220
Tăng trong năm		350.000.000	4.643.700.000			4.993.700.000
- <i>Mua trong năm</i>		350.000.000	4.643.700.000			4.993.700.000
Giảm trong năm			321.600.434			321.600.434
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>			321.600.434			321.600.434
- <i>Giảm khác</i>						
Số dư cuối năm	7.765.008.191	2.264.749.995	5.929.711.189	94.076.264	1.542.857.147	17.596.402.786
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	171.276.522	1.573.021.299	111.553.067	79.076.264		1.934.927.152
Tăng trong năm	380.999.458	213.394.368	468.227.187	14.727.276		1.077.348.289
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	380.999.458	213.394.368	468.227.187	14.727.276		1.077.348.289
- <i>Tăng khác</i>						
Giảm trong năm			59.895.865			59.895.865
- <i>Chuyển sang BĐS đầu tư</i>			59.895.865			59.895.865
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>						
- <i>Giảm khác</i>						
Số dư cuối năm	552.275.980	1.786.415.667	519.884.389	93.803.540		2.952.379.576
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	7.593.731.669	341.728.696	1.496.058.556	15.000.000	1.542.857.147	10.989.376.068
2. Tại ngày cuối năm	7.212.732.211	478.334.328	5.409.826.800	272.724	1.542.857.147	14.644.023.210

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.643.700.000
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 904.697.570

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG  
 Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**5.7 TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						112.752.000
Số dư đầu năm	112.752.000	-	-	-	-	112.752.000
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	112.752.000	-	-	-	-	112.752.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	52.500.619	-	-	-	-	52.500.619
Tăng trong năm	8.826.456	-	-	-	-	8.826.456
- Số khấu hao trong năm	8.826.456	-	-	-	-	8.826.456
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	61.327.075	-	-	-	-	61.327.075
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	60.251.381	-	-	-	-	60.251.381
2. Tại ngày cuối năm	51.424.925	-	-	-	-	51.424.925

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**  
 Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

**5.8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Cuối năm		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	1.753.453.182	-	-
- Đầu tư vào Công ty con	-	-	1.753.453.182	-	-
+ Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lập Điện Thiên Trường (i)	-	-	1.753.453.182	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-	-
+ Trong năm, Công ty thoái vốn tại công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lập Điện Thiên Trường theo Nghị quyết 12/2017/KTT/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị.	-	-	-	-	-

(\*): Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài Chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

5.9	PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	Cuối năm		Đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	11.558.754.743	11.558.754.743	26.259.332.450	26.259.332.450
	- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Tiên Phong	1.552.558.000	1.552.558.000	6.140.088.000	6.140.088.000
	- Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn Hà Nam	-	-	2.786.893.165	2.786.893.165
	- Công ty TNHH Điện tử Điện lạnh Việt Nhật	985.066.030	985.066.030	5.985.066.030	5.985.066.030
	- Công ty TNHH MTV Kinh doanh TM Nam Bình	1.214.356.000	1.214.356.000	493.185.000	493.185.000
	- Công ty TNHH đầu tư XD & TM Bảo Minh	1.642.767.500	1.642.767.500	-	-
	- Công ty TNHH XD & PT TM Gia Hưng	1.617.112.200	1.617.112.200	-	-
	- Công ty TNHH Đại Nguyên Dương	1.804.952.600	1.804.952.600	-	-
	- Phải trả cho các đối tượng khác	2.741.942.413	2.741.942.413	10.854.100.255	10.854.100.255
	b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
5.10	NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	Cuối năm		Đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	724.388.271	724.388.271	4.935.710.014	4.935.710.014
	- Công ty Điện lực Thái Bình	-	-	2.714.126.132	2.714.126.132
	- Công ty Cổ phần Nam Tiệp	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
	- Công ty Cổ phần Hoàng thành Nha Trang	724.388.271	724.388.271	-	-
	- Đối tượng khác	-	-	1.221.583.882	1.221.583.882
	b) Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
	c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-	-	-

Số tài khoản: 19030000000000000000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**  
 Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

**5.11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>3.200.000.000</b>	<b>3.200.000.000</b>	<b>31.984.472.000</b>	<b>33.484.472.000</b>	<b>4.700.000.000</b>	<b>4.700.000.000</b>
- Vay cá nhân (1)	3.200.000.000	3.200.000.000	10.700.000.000	12.200.000.000	4.700.000.000	4.700.000.000
+ Bà Trần Thị Hồng	500.000.000	500.000.000	2.000.000.000	1.500.000.000	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Đào	200.000.000	200.000.000	1.200.000.000	1.000.000.000	-	-
+ Ông Lê Hải Hùng	500.000.000	500.000.000	1.500.000.000	1.000.000.000	-	-
+ Bà Trần Thị Hoa	500.000.000	500.000.000	1.500.000.000	1.000.000.000	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Ngân	800.000.000	-	1.800.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Oanh	700.000.000	700.000.000	1.700.000.000	1.000.000.000	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Tuấn	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
+ Ông Hoàng Hữu Tài	-	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
+ Ông Vũ Quốc Trị	-	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
+ Ông Hoàng Minh Tuấn	-	-	-	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
+ Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	-	-	21.284.472.000	21.284.472.000	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>2.550.000.000</b>	<b>2.550.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>450.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (2)	2.550.000.000	2.550.000.000	3.000.000.000	450.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.750.000.000</b>	<b>5.750.000.000</b>	<b>34.984.472.000</b>	<b>33.934.472.000</b>	<b>4.700.000.000</b>	<b>4.700.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

(1) Vay ngắn hạn của Bà Trần Thị Hồng theo hợp đồng số 07/2017 ngày 21/08/2017, hạn mức 2 tỷ, vay bằng tiền mặt, lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.

(1) Vay ngắn hạn của Bà Nguyễn Thị Đào theo hợp đồng số 05/2017 ngày 19/08/2017, hạn mức 1,2 tỷ, vay bằng tiền mặt, lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.

(1) Vay ngắn hạn của Ông Lê Hải Hường theo hợp đồng số 04/2017 ngày 18/08/2017, hạn mức 1,5 tỷ, vay bằng tiền mặt, lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.

(1) Vay ngắn hạn của Bà Trần Thị Hoa theo hợp đồng số 03/2017 ngày 17/08/2017, hạn mức 1,5 tỷ, vay bằng tiền mặt, lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.

(1) Vay ngắn hạn của Bà Nguyễn Thị Ngân theo hợp đồng số 02/2017 ngày 17/08/2017, hạn mức 1,5 tỷ, vay bằng tiền mặt, lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.

(1) Vay ngắn hạn của Bà Phạm Thị Oanh theo hợp đồng số 01/2017 ngày 16/08/2017, hạn mức 1,5 tỷ, vay bằng tiền mặt, lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng.

(2) Hợp đồng vay dài hạn số 136/2017/HDTD/LDM/01 ngày 05/04/2017 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Thăng Long với số tiền vay 3.000.000.000 VNĐ, thời gian vay 60 tháng, lãi suất áp dụng cho 18 tháng kể từ ngày giải ngân là 8,49%, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần, mục đích vay nhằm thanh toán tiền mua ô tô, tài sản đảm bảo là xe ô tô Mercedes Benz GLS400 4Matic.

**5.12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp	25.726.592	1.509.347.196	1.438.657.675	96.416.113
- Thuế GTGT	-	1.205.456.092	1.109.039.979	96.416.113
- Thuế TNDN	25.726.592	266.664.192	292.390.784	-
- Thuế TNCN	-	-	-	-
- Tiền thuế đất	-	34.226.912	34.226.912	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
b) Phải thu	Đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Cuối năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	40.911.077	-	40.911.077

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.13 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	12.000.084	-
- Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế	12.000.084	-
- Phải trả, phải nộp khác	-	-
b) Dài hạn	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

**5.14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>29.550.000.000</b>				462.491.980	30.012.491.980
Tăng vốn năm trước	-				-	-
Lãi trong năm trước					618.560.024	618.560.024
Tăng khác					-	-
Giảm vốn trong năm trước					-	-
Lỗ trong năm trước					-	-
Giảm khác					(249.264.226)	(249.264.226)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>29.550.000.000</b>				<b>831.787.778</b>	<b>30.381.787.778</b>
Tăng vốn trong năm nay					-	-
Lãi trong năm nay					863.716.219	863.716.219
Tăng khác					-	-
Giảm vốn trong năm nay					-	-
Lỗ do hoàn nhập trong năm nay					-	-
Giảm khác					-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>29.550.000.000</b>				<b>1.695.503.997</b>	<b>31.245.503.997</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	29.550.000.000	29.550.000.000
<b>Cộng</b>		<b>29.550.000.000</b>	<b>29.550.000.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	29.550.000.000	29.550.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	29.550.000.000	29.550.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.955.000	2.955.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.955.000	2.955.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.955.000	2.955.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng

e) Các quỹ của doanh nghiệp

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

**5.15 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu	139.022.375.621	66.577.472.682
- Doanh thu thành phẩm	11.062.643.307	13.415.520.817
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	127.959.732.314	53.161.951.865
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		-
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	40.325.000	2.052.758.716
<b>6.2 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của hàng đã bán	131.044.039.789	60.103.393.991
- Giá vốn của thành phẩm	10.840.676.810	12.252.385.885
- Giá vốn của hợp đồng xây lắp	120.203.362.979	47.851.008.106
<b>Cộng</b>	<b>131.044.039.789</b>	<b>60.103.393.991</b>
<b>6.3 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi, cho vay	54.743.303	21.134.347
<b>Cộng</b>	<b>54.743.303</b>	<b>21.134.347</b>
<b>6.4 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền vay	572.331.258	28.789.304
<b>Cộng</b>	<b>572.331.258</b>	<b>28.789.304</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>6.5 . THU NHẬP KHÁC</b>		
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	261.704.574	
- Thu nhập từ bán thanh lý, nhượng bán TSCĐ	273.000.000	
Lãi từ hoạt động thanh lý nhượng bán TSCĐ	11.295.426	13
- Các khoản khác	33.956	
<b>Cộng</b>	<b>11.329.382</b>	<b>13</b>
<b>6.6 . CHI PHÍ KHÁC</b>		
- Các khoản bị phạt	202.940.548	4.346.338
- Các khoản khác	3.541.484	-
<b>Cộng</b>	<b>206.482.032</b>	<b>4.346.338</b>
<b>6.7 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>6.135.214.816</b>	<b>5.687.790.794</b>
Chi phí nhân viên	4.110.022.600	4.010.350.000
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, vật liệu quản lý	14.999.994	279.452.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	599.564.241	207.898.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.181.686.617	363.437.567
Chi phí bằng tiền khác	228.941.364	826.652.469
<b>6.8 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.616.325.847	52.239.658.665
Chi phí nhân công	45.427.507.215	18.875.604.281
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.086.174.745	424.298.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.572.883.668	9.512.077.917
Chi phí bằng tiền khác	228.941.364	2.455.242.569
<b>Cộng</b>	<b>98.728.919.511</b>	<b>83.506.882.352</b>
<b>6.9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.130.380.411	774.286.615
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	202.940.548	4.346.338
+ Chi phí không được trừ	202.940.548	4.346.338
Tổng thu nhập chịu thuế	1.333.320.959	778.632.953
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	266.664.192	155.726.591
<b>6.10 LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	863.716.219	618.560.024
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.955.000	2.955.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>292</b>	<b>209</b>

**7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN**

**7 . TIỀN TỆ**

**8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

**8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG  
 Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

**8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Năm nay

Chi tiêu	Thành phẩm	Xây dựng	Hoạt động khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	11.062.643.307	127.959.732.314	-	139.022.375.621
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn	10.840.676.810	120.203.362.979	-	131.044.039.789
Lợi nhuận gộp	221.966.497	7.756.369.335	-	7.978.335.832
Tổng giá trị còn lại của tài sản				49.387.063.208
Nợ phải trả				18.141.559.211
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>4.993.700.000</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>1.086.174.745</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				<b>-</b>
Năm trước				
Doanh thu	13.415.520.817	53.161.951.865	-	66.577.472.682
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn	12.252.385.885	47.851.008.106	-	60.103.393.991
Lợi nhuận gộp	1.163.134.932	5.310.943.759	-	6.474.078.691
Tổng giá trị còn lại của tài sản				66.302.556.834
Nợ phải trả				35.920.769.056
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>1.136.381.818</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>433.373.526</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				<b>-</b>

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

#### 8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Trong năm, Công ty thoái vốn tại Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường theo Nghị quyết 12/2017/KTT/NQ-HĐQT ngày 15 /3/2017 của Hội đồng Quản trị.

#### 8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

#### 8.6 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

##### (i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### *Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

##### (ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

##### **Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### (iii) Rủi ro thanh khoản

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>Ngày 31/12/2017</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.630.617.029		1.630.617.029
Phải thu khách hàng	24.010.490.006	-	24.010.490.006
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	-	248.689.654	248.689.654
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.641.107.035</b>	<b>248.689.654</b>	<b>25.889.796.689</b>
Các khoản vay và nợ	3.200.000.000	2.550.000.000	5.750.000.000
Phải trả người bán	11.558.754.743		11.558.754.743
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	12.000.084	-	12.000.084
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.770.754.827</b>	<b>2.550.000.000</b>	<b>17.320.754.827</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>10.870.352.208</b>	<b>(2.301.310.346)</b>	<b>8.569.041.862</b>
<b>Ngày 01/01/2017</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	667.185.624		667.185.624
Phải thu khách hàng	8.159.583.043	-	8.159.583.043
Đầu tư	-	1.753.453.182	1.753.453.182
Phải thu khác	143.060.415	-	143.060.415
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.969.829.082</b>	<b>1.753.453.182</b>	<b>10.723.282.264</b>
<b>Ngày 01/01/2017</b>			
Các khoản vay và nợ	4.700.000.000	-	4.700.000.000
Phải trả người bán	26.259.332.450	-	26.259.332.450
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.959.332.450</b>	<b>-</b>	<b>30.959.332.450</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(21.989.503.368)</b>	<b>1.753.453.182</b>	<b>(20.236.050.186)</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**  
 Lô 55 đường N2, Cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Đơn vị tính: VND
	31/12/2017	01/01/2017	
<b>Tài sản tài chính</b>			
Các khoản đầu tư tài chính	-	1.753.453.182	1.753.453.182
Các khoản cho vay và phải thu	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.259.179.660	8.302.643.458	8.302.643.458
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.630.617.029	667.185.624	667.185.624
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.889.796.689</b>	<b>10.723.282.264</b>	<b>10.723.282.264</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Nợ phải trả tài chính	-	-	-
Vay và nợ	5.750.000.000	4.700.000.000	4.700.000.000
Phải trả người bán	11.558.754.743	26.259.332.450	26.259.332.450
Phải trả khác	12.000.084	-	12.000.084
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.320.754.827</b>	<b>30.959.332.450</b>	<b>30.971.332.534</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN  
Đơn vị tính: VND

8.7 . Thông tin về các bên liên quan

a) Các bên liên quan

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Hoàng Hữu Tài	Người thân thành viên HĐQT
Ông Hoàng Minh Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài các thuyết minh về các bên liên quan đã nêu trên, trong năm tài chính của Công ty có những giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Đơn vị tính: VND Giá trị
Hoàng Minh Tuấn	Trả tiền vay	1.100.000.000
Hoàng Hữu Tài	Trả tiền vay	1.400.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Điện Hoàng Phát	Bán hàng	44.357.500
	Thu tiền bán hàng	44.357.500
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường	Thu hồi vốn góp	1.753.453.182

b) Thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Hoàng Hữu Tuấn	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc	94.804.000
Ví Trung Sơn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	89.350.000
Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban kiểm soát	54.254.788
Trần Văn Bảy	TV Ban kiểm soát	65.153.400
Hoàng Minh Tuấn	TV Ban kiểm soát	58.846.154
<b>Tổng cộng</b>		<b>362.408.342</b>

8.8 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.9 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.10 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập

Nguyễn Minh Khuê

Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Mến

Nam Định, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Giám đốc



Hoàng Hữu Tuấn